**Phụ lục số 28**

**Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ**

*(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

**Năm 2016**

**1.Thông tin về quỹ**

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ : **QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM(VFMVF4)**
2. Mục tiêu đầu tư của quỹ :

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền cơ bản của kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

1. Thời hạn hoạt động của quỹ: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động
2. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
3. Chính sách phân chia lợi nhuận: Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư mỗi năm một lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa mãn các điều kiện qui định trong Điều lệ Quỹ
4. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 27.868.756,20 chứng chỉ Quỹ
5. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2015 của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam ngày 31/03/2016.
6. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2015 của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam ngày 31/03/2016 thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2015, ngân sách, kế hoạch hoạt động, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật…

****

**i**)Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

**2.Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ**

* Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12của 3 năm gần nhất:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ cấu tài sản quỹ | **31/12/2016****(%)** | **31/12/2015** **(%)** | **31/12/2014** **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán  | 70.12 | 84.71 | 85.21 |
| 2.Tài sản khác | 29.88 | 15.29 | 14.79 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành::

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Ngành (%NAV)** | 12/31/2016 | 12/31/2015 | 12/31/2014 |
| 1 | Thực phẩm, NGK & Thuốc lá |  14.0  |  16.5  |  11.3  |
| 2 | Hàng hóa công nghiệp |  9.7  |  11.4  |  6.6  |
| 3 | Công nghệ & phần cứng |  8.3  |  6.9  |  5.7  |
| 4 | Bất động sản |  7.5  |  15.9  |  11.3  |
| 5 | Vận tải |  7.0  |  9.9  |  -  |
| 6 | Ngân hàng |  5.8  |  11.4  |  6.3  |
| 7 | Vật liệu |  5.2  |  8.3  |  13.5  |
| 8 | Hàng tiêu dùng & Dệt may |  4.8  |  3.8  |  4.4  |
| 9 | Bán lẻ |  4.2  |  -  |  -  |
| 10 | Dược phẩm  |  2.8  |  -  |  -  |
| 11 | Tiện ích công cộng |  2.7  |  -  |  4.9  |
| 12 | Ô tô & phụ tùng ô tô |  -  |  -  |  6.7  |
| 13 | Bảo hiểm |  -  |  -  |  2.2  |
| 14 | Năng lượng |  -  |  -  |  5.9  |
| 15 | Dịch vụ tài chính |  -  | 1.4  |  7.0  |
| 16 | Tiền |  28.1  |  14.6  |  14.2  |
|  | Tổng cộng | 100 | 100 | 100 |

Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập);

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số**  **tiền**  |
| **Năm 2016**  | **Năm 2015** | **Năm 2014** |
| 1 | Lợi nhuận thu được từ lợi tức |   |   |   |
| chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi tiền gửi…) | 10,864,082,870 |   12,963,232,384  | 18,258,173,814  |
| 2 | Lợi nhuận do đánh giá lại | 4,068,179,633 | 4,698,206,061 | - 33,402,967,404  |
| 3 | Lợi nhuận do bán chứng khoán | 37,970,217,787 | 51,199,047,445  |  95,754,537,104  |
| 4 | Tổng chi phí phát sinh trong kỳ | **8,519,765,362** |  **9,357,129,589**  | - 13,194,474,028  |
|   | **Trong đó:** |   |   |   |
| **Chi phí hoạt động**  | 7,612,091,445 |  7,661,641,621  |  11,855,766,987  |
| **Chi**  **phí đầu tư** | 907,673,916 |  1,695,487,968  |  1,338,707,041  |
|   | **Tổng lợi nhuận của quỹ** | **44,382,714,929** | **59,503,356,301** | **67,415,269,486**  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu**  | **31/12/2016** | **31/12/2015** |
| 1 | Giá trị tài sản ròng của Quỹ |  349,080,267,291  | 285,022,040,119 |
| 2 | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ |  12,525,86 | 10.762,87 |
| 3 | Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (ccq) | 27.868.756,20 | 26.481.957,77 |
| 4 | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo |  13.226,44 | 11.202,93 |
| 5 | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo | 10.015,55 | 8.737,36 |

* Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có
* Thời điểm phân chia lợi nhuận : không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

* Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ .
* Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2016 là 2**.37%**
* Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2015 là 2**.37%**

-Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục :

Tốc độ vòng quay danh mục năm 2016 : 95.87% trong khi đó tốc độ vòng quay danh mục cùng kỳ năm 2015 là 113.73%. Nguyên nhân của sự thay đổi này đến từ việc tổng giá trị giao dịch chứng khoán của quỹ VF4 thấp hơn cùng kỳ, đồng thời giá trị tài sản ròng trung bình của quỹ trong năm 2016 cao hơn năm 2015

a) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

 -Tổng lợi nhuận quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo năm 2016: **44,382,714,929**đồng. Tổng lợi nhuận phát sinh trong năm 2015 là : **59,503,356,301**đồng

b) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

* Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác.

Nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ;

* Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Công ty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

c)Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

**3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ**

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ : không có.
2. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): không có
3. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu
4. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu
5. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVF4 là đầu tư năng động với phong cách linh hoạt từ đầu tư giá trị tới đầu tư tăng trưởng. Tài sản đầu tư quỹ hướng tới chủ yếu là các cổ phiếu và các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu (xét về quy mô vốn hóa thị trường, quy mô tài sản và nguồn vốn, thị phần kinh doanh, hiệu quả hoạt động và các chỉ tiêu cơ bản khác…) trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam .Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

1. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

So với thời điểm cuối năm 2015, cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã có nhiều thay đổi nhằm nắm bắt xu hướng biến động của thị trường, đem lại tăng trưởng cho NAV của Quỹ.

Về cơ cấu tài sản theo loại tài sản, tỷ trọng tiền mặt đã tăng từ hơn 14,6% cuối tháng 12/2015 đến 28.1% cuối năm 2016 khi quỹ hiện thực hóa một số khoản đầu tư có lợi nhuận vượt trội .

Về cơ cấu tài sản theo ngành (theo phân loại của Bloomberg), Quỹ đã giảm đáng kể tỷ trọng ngành Ngân hàng và Bất động sản. Bên cạnh đó quỹ tăng tỷ trọng đầu tư vào các ngành Tiện tích công cộng, Bán lẻ, và Dược Phẩm.

1. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất :

Tính đến 31/12/2016, NAV/ccq của VF4 đạt 12,525.90 tăng trưởng 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2016, các ngành đóng góp chính vào tăng trưởng của VF4 có tăng trưởng vượt trội, bao gồm: Hàng hóa công nghiệp (+40,3%), Vật liệu (+57,1%), và Tiện ích công cộng (+67,2%).

1. Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap):
2. Trong giai đoạn từ 31/12/2015 đến 30/12/2016, chỉ số VNIndex tăng 14,8%, đóng góp chủ yếu bởi các ngành Tiện ích công cộng (+5,4%), Thực phẩm (+4,5%), và Hàng hóa công nghiệp (+3,8%). Thanh khoản thị trường được cải thiện đáng kể khi nhiều công ty Nhà nước buộc phải niêm yết theo chủ trương mới của Chính phủ. Một số công ty nắm vai trò chi phối trong nền kinh tế nay đã được cổ phần hóa và niêm yết trên sàn chứng khoán như: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (“HVN”), Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (“SAB”). Xu hướng này dự kiến sẽ còn tiếp diễn trong năm 2017 khi các công ty Nhà nước trong lĩnh vực khác lần lượt tuân thủ, có thể kể đến một số như Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), Tổng Công ty viễn thông Mobifone (“Mobifone”), Tổng Công ty Dầu Việt Nam (“PV Oil”), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (“PV Power”), Tổng Công ty Phát điện 3 (“Genco 3”)...

j) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan ...: không có

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ mở đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): từ 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Theo quy định tại Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ”.

Cũng theo quy định tại Thông tư 15 và Điều 9, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ thì cơ cấu đầu tư ở trên được phép sai lệch nhưng không quá 15% so với các hạn chế quy định ở trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

* Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
* Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
* Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
* Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thâu tóm các tổ chức phát hành;
* Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
* Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ cũng như Quỹ đã thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ trong năm nên danh mục đầu tư của Quỹ tại một số kỳ định giá trong năm 2016 đã phát sinh sai lệch so với hạn mức đầu tư ở trên, chi tiết như sau:

| Kỳ định giá |   | Tỷ lệ | Thời hạn khắc phục theo quy định | Ngày khắc phục | Tuân thủ quy định |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 17/3/2016 |   | 41.47% | 17/6/2016 | 18/3/2016 | Tuân thủ |
| 18/3/2016 |   | 37.53% |
| 26/5/2016 |   | 42.36% | 26/8/2016 | 27/5/2016 | Tuân thủ |
| 27/5/2016 |   | 29.78% |
| 2/6/2016 |   | 45.81% | 2/9/2016 | 14/7/2016 | Tuân thủ |
| 3/6/2016 |   | 45.88% |
| 3/6/2016 | (\*) | 40.68% |
| 6/6/2016 |   | 40.68% |
| 7/6/2016 |   | 45.48% |
| 8/6/2016 |   | 40.48% |
| 9/6/2016 |   | 40.43% |
| 10/6/2016 |   | 41.34% |
| 10/6/2016 | (\*) | 46.54% |
| 13/6/2016 |   | 46.54% |
| 14/6/2016 |   | 46.58% |
| 15/6/2016 |   | 41.74% |
| 16/6/2016 |   | 46.46% |
| 17/6/2016 |   | 45.97% |
| 17/6/2016 | (\*) | 41.05% |
| 20/6/2016 |   | 41.05% |
| 21/6/2016 |   | 46.52% |
| 22/6/2016 |   | 41.66% |
| 23/6/2016 |   | 41.87% |
| 24/6/2016 |   | 41.82% |
| 24/6/2016 | (\*) | 41.23% |
| 27/6/2016 |   | 41.23% |
| 28/6/2016 |   | 41.19% |
| 29/6/2016 |   | 41.77% |
| 30/6/2016 |   | 41.71% |
| 1/7/2016 |   | 47.32% |
| 1/7/2016 |   | 47.32% |
| 1/7/2016 | (\*) | 42.24% |
| 4/7/2016 |   | 42.24% |
| 5/7/2016 |   | 42.20% |
| 6/7/2016 |   | 42.12% |
| 7/7/2016 |   | 42.32% |
| 8/7/2016 |   | 41.17% |
| 8/7/2016 | (\*) | 41.02% |
| 11/7/2016 |   | 41.02% |
| 12/7/2016 |   | 46.23% |
| 13/7/2016 |   | 40.35% |
| 14/7/2016 |   | 39.45% |

 *(\*) Tại ngày*

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, Quỹ đã thực hiện:

• Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ phát hành thêm 12,268,014.52 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 122,680,145,200 đồng;

• Mua lại chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ mua lại 10,881,216.09 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 108,812,160,900 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiều đầu tư của quỹ: từ ngày 01/01/2016 ngày 31/12/2016, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận.

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với chi phí hoạt động** | **Tỷ lệ so với thu nhập** |
| **Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng**  | **0.26%** | **1.53%** | **0.22%** |
| **Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ**  | **0.26%** | **1.54%** | **0.22%** |

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền** |
| 1 | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 116,391,272 |
| 2 |  Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 117,371,228 |
|   | **Tổng chi phí các hoạt động uỷ quyền của Quỹ** | 233,762,500 |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ****TRẦN THANH TÂN** |